**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TUẦN HOÀN ĐỘNG VẬT**

**Câu 1.** Hệ tuần hoàn của động vật cấu tạo từ các bộ phận sau:

**A.** dịch tuần hoàn, tim và hệ thống mạch máu.

**B.** động mạch, mao mạch và tĩnh mạch.

**C.** tâm nhĩ, tâm thất, buồng tim và van tim.

**D.** nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng lưới Purkinje.

**Câu 2.** Vận tốc máu cao nhất ở …(1)…, giảm mạnh ở …(2)… và thấp nhất ở …(3)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2), (3) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch; 2 – mao mạch; 3 – tĩnh mạch. **B.** 1 – động mạch; 2 – tĩnh mạch; 3 – mao mạch.

**C.** 1 – tĩnh mạch; 2 – động mạch; 3 – mao mạch. **D.** 1 – tĩnh mạch; 2 – mao mạch; 3 – động mạch. **Câu 3.** Vận tốc máu …(1)… với tổng tiết diện của hệ mạch. Ở nơi nào có tổng tiết diện nhỏ nhất thì vận tốc máu là …(2)… và ngược lại.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – tỉ lệ thuận; 2 – nhỏ nhất. **B.** 1 – tỉ lệ thuận; 2 – lớn nhất.

**C.** 1 – tỉ lệ nghịch; 2 – nhỏ nhất. **D.** 1 – tỉ lệ nghịch; 2 – lớn nhất.

**Câu 4.** Ở các nhóm động vật có hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực …(1)…, tốc độ máu chảy …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – thấp; 2 – chậm. **B.** 1 – thấp; 2 – nhanh.

**C.** 1 – cao; 2 – chậm. **D.** 1 – cao; 2 – nhanh.

**Câu 5.** Tim bơm máu vào …(1)… theo từng đợt nhưng máu vẫn chày thành dòng liên tục trong mạch, nguyên nhân chính là do tính …(2)… của thành mạch.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – mao mạch; 2 – đàn hồi. **B.** 1 – mao mạch; 2 – liên kết.

**C.** 1 – động mạch; 2 – đàn hồi. **D.** 1 – động mạch; 2 – liên kết. **Câu 6.** Hệ mạch của thú có đặc điểm là máu ở …(1)… và tĩnh mạch chủ …(2)… O2.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – nghèo. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – giàu.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – nghèo. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – giàu.

**Câu 7.** Máu bơm từ tâm thất phải lên …(1)… của người bình thường có đặc điểm là máu …(2)… O2.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – nghèo. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – giàu.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – nghèo. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – giàu.

**Câu 8.** Trong hệ tuần hoàn kín, máu chảy trong động mạch dưới áp lực …(1)… hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – thấp; 2 – chậm. **B.** 1 – thấp; 2 – nhanh.

**C.** 1 – cao; 2 – chậm. **D.** 1 – cao; 2 – nhanh.

**Câu 9.** Các …(1)… và tĩnh mạch từ lớn đến nhỏ đều được cấu tạo từ 3 lớp: lớp tế bào biểu bì mô …(2)…, lớp cơ và sợi đàn hồi, lớp mô liên kết.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch; 2 – dẹt. **B.** 1 – động mạch; 2 – sợi.

**C.** 1 – mao mạch; 2 – dẹt. **D.** 1 – mao mạch; 2 – sợi.

**Câu 10.** Hoạt động tim mạch được điều hòa bằng cơ chế thần kinh và thể dịch. Cơ chế thần kinh theo nguyên tắc …(1)…, cơ chế thể dịch thực hiện nhờ các …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – dẫn truyền; 2 – enzyme. **B.** 1 – phản xạ; 2 – enzyme.

**C.** 1 – dẫn truyền; 2 – hormone. **D.** 1 – phản xạ; 2 – hormone.

**Câu 11.** Hệ tuần hoàn ở đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn …(1)… vì giữa mạch đi từ tim và mạch đến các tim …(2)… mạch nối.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – hở; 2 – không có. **B.** 1 – hở; 2 – có.

**C.** 1 – kín; 2 – không có. **D.** 1 – kín; 2 – có.

**Câu 12.** Trong hệ tuần hoàn của một loài thú, tĩnh mạch chủ dẫn máu giàu …(1)… về tâm nhĩ …(2)…sau khi trao đổi khí ở tế bào.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – O2; 2 – trái. **B.** 1 – O2; 2 – phải.

**C.** 1 – CO2; 2 – trái. **D.** 1 – CO2; 2 – phải.

**Câu 13.** Trong hệ tuần hoàn của một loài thú, …(1)… dẫn máu giàu O2 khi trao đổi khí ở …(2)… về tâm nhĩ trái.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – tĩnh mạch chủ; 2 – phế nang. **B.** 1 – tĩnh mạch chủ; 2 – phổi.

**C.** 1 – tĩnh mạch phổi; 2 – phế nang. **D.** 1 – tĩnh mạch phổi; 2 – phổi.

**Câu 14.** Người mắc bệnh xơ vữa thành mạch thường bị …(1)… vì sức cản của thành mạch với dòng máu …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – huyết áp thấp; 2 – thấp. **B.** 1 – huyết áp thấp; 2 – cao.

**C.** 1 – cao huyết áp; 2 – thấp. **D.** 1 – cao huyết áp; 2 – cao.

**Câu 15.** Trong cơ chế điều hòa tim mạch, bộ phận tiếp nhận thông tin về tim mạch là thụ thể áp lực ở cung …(1)… và thụ thể …(2)… ở xoang động mạch cảnh.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – hóa học. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – sinh học.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – hóa học. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – sinh học.

**Câu 16.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về chức năng của các tế bào máu:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Huyết tương | **a.** Tiết ra kháng thể. |
| **2.** Tiểu cầu | **b.** Giúp cân bằng nội môi. |
| **3.** Hồng cầu | **c.** Tham gia quá trình đông máu. |
| **4.** Bạch cầu | **d.** Vận chuyển chất dinh dưỡng. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-d, 2-a, 3-b, 4-c. **C.** 1-a, 2-c, 3-b, 4-d. **D.** 1-d, 2-c, 3-b, 4-a. **Câu 17.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các mạch máu trong hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Động mạch | **a.** Mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim. |
| **2.** Mao mạch | **b.** Mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan. |
| **3.** Tĩnh mạch | **c.** Nối động mạch nhỏ nhất với tĩnh mạch nhỏ nhất, là nơi thực hiện trao đổi chất giữa máu và tế bào cơ thể. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c. **B.** 1-c, 2-a, 3-b. **C.** 1-b, 2-c, 3-a. **D.** 1-a, 2-c, 3-b.

**Câu 18.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Hệ tuần hoàn hở | **a.** Máu chảy với áp lực thấp, tốc độ chậm. |
| **b.** Dòng máu: máu từ tim  động mạch  xoang cơ thể  tĩnh mạch  về tim. |
| **2.** Hệ tuần hoàn kín | **c.** Máu chảy với áp lực cao, tốc độ nhanh. |
| **d.** Dòng máu: máu từ tim  động mạch  mao mạch  tĩnh mạch  về tim. |

**A.** 1-cd, 2-ab. **B.** 1-ac, 2-bd. **C.** 1-bd, 2-ac. **D.** 1-ab, 2-cd.

**Câu 19.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các mạch máu trong hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Động mạch | **a.** Là các mạch máu nhỏ, nơi trao đổi chất và khí trực tiếp giữa máu và dịch mô, dẫn máu tới các tiểu tĩnh mạch. |
| **2.** Mao mạch | **b.** Dẫn máu từ tâm thất phải đến phổi và tâm thất trái tới các cơ quan, có độ đàn hồi cao. |
| **3.** Tĩnh mạch | **c.** Dẫn máu từ mao mạch phổi về tâm nhĩ trái và mao mạch cơ thể về tâm nhĩ phải. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c. **B.** 1-b, 2-a, 3-c. **C.** 1-b, 2-c, 3-a. **D.** 1-a, 2-c, 3-b

**Câu 20.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về bộ phận tham gia điều hòa tim mạch:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Bộ phận tiếp nhận kích thích | **a.** Các dây thần kinh cảm giác. |
| **2.** Đường dẫn truyền vào | **b.** Trung khu điều hòa tim mạch ở hành não. |
| **3.** Đường dẫn truyền ra | **c.** Các bộ phân của tim mạch hoặc hệ nội tiết. |
| **4.** Bộ phận phân tích, điều khiển | **d.** Các dây thần kinh giao cảm hoặc đối giao cảm. |
| **5.** Bộ phận thực hiện | **e.** Thụ thể áp lực hoặc thụ thể hóa học ở động mạch. |

**A.** 1-e, 2-a, 3-d, 4-b, 5-c. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-e, 5-c.

**C.** 1-b, 2-c, 3-e, 4-b, 5-a. **D.** 1-e, 2-c, 3-b, 4-d, 5-a.

**Câu 21.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các nhóm động vật:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Cá | **a.** Tim có 2 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O2). |
| **2.** Bò sát | **b.** Tim có 3 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu pha. |
| **3.** Lưỡng cư | **c.** Tim có 4 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O2). |
| **4.** Chim và thú | **d.** Tim có 4 ngăn, vách ngăn tâm thất hụt, máu đi nuôi cơ thể là máu pha. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-c, 3-a, 4-d. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c. **Câu 22.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về chức năng của các ngăn tim:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Tâm nhĩ phải | **a.** Nhận máu giàu O2 từ tĩnh mạch phổi bơm vào tâm thất. |
| **2.** Tâm thấy phải | **b.** Nhận máu giàu CO2 từ tĩnh mạch chủ bơm vào tâm thất. |
| **3.** Tâm nhĩ trái | **c.** Nhận máu từ tâm nhĩ bơm vào động mạch chủ nuôi cơ thể. |
| **4.** Tâm nhĩ phải | **d.** Nhận máu từ tâm nhĩ bơm vào động mạch phổi trao đổi chất. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-d, 3-a, 4-c. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c. **Câu 23.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về vai trò của các van tim:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Van động mạch phổi | **a.** Ngăn máu từ tâm thất trái chảy ngược vào tâm nhĩ phải. |
| **2.** Van động mạch chủ | **b.** Ngăn máu từ động mạch phổi chảy ngược vào tâm thất phải. |
| **3.** Van 2 lá | **c.** Ngăn máu từ tâm thất phải chảy ngược vào tâm nhĩ phải. |
| **4.** Van 3 lá | **d.** Ngăn máu từ động mạch chủ chảy ngược vào tâm thất trái. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-d, 3-a, 4-c. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c. **Câu 24.** Động mạch gồm các:

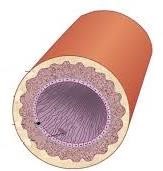
**A.** mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim.

**B.** mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan.

**C.** mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan.

**D.** mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim.

**Câu 25.** Hình bên mô tả gì ?



**A.** Động mạch. **B.** Mao mạch. **C.**Tĩnh mạch. **D.** Tim.

**Câu 26.** Tĩnh mạch gồm các:

**A.** mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim.

**B.** mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan.

**C.** mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan.

**D.** mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim.

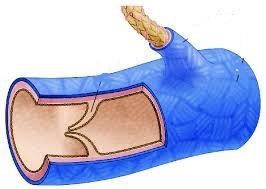
**Câu 27.** Mao mạch nối:

**A.** động mạch lớn nhất với tĩnh mạch lớn nhất, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và từ các cơ quan về tim.

**B.** động mạch nhỏ nhất với tĩnh mạch nhỏ nhất, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và từ các cơ quan về tim.

**C.** động mạch lớn nhất với tĩnh mạch lớn nhất, là nơi thực hiện trao đổi chất giữa máu và tế bào cơ thể.

**D.** động mạch nhỏ nhất với tĩnh mạch nhỏ nhất, là nơi thực hiện trao đổi chất giữa máu và tế bào cơ thể. **Câu 28.** Hình bên mô tả gì ?



**A.** Động mạch. **B.** Mao mạch. **C.**Tĩnh mạch. **D.** Tim.

**Câu 29.** Hệ tuần hoàn có chức năng:

**A.** hút và đẩy máu chảy trong hệ thống mạch máu, đảm bảo các hoạt động sống của cơ thể.

**B.** vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác, đảm bảo các hoạt động sống của cơ thể.

**C.** hút và đẩy máu chảy trong hệ thống mạch máu, nhận máu từ tĩnh mạch và đưa máu xuống tâm thất.

**D.** vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác, nhận máu từ tĩnh mạch và đưa máu xuống tâm thất.

**Câu 30.** Hệ tuần hoàn gồm các dạng:

**A.** hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kép. **B.** hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín.

**C.** hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kín. **D.** hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kép. **Câu 31.** Hệ tuần hoàn hở có ở đa số động vật thuộc ngành:

**A.** Lưỡng cư. **B.** Bò sát.  **C.** Giun đốt. **D.** Chân khớp.

**Câu 32.** Trong hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới ………(1)………, tim thu hồi máu ………(2)………

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.

**B.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.

**C.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.

**D.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.

**Câu 33.** “Tim bơm máu vào động mạch với áp lực thấp, máu chảy vào khoang cơ thể trộn lẫn với dịch mô tạo thành hỗn hợp máu dịch mô, gọi chung là máu”. Đây là một đặc điểm của:

**A.** Hệ tuần hoàn kín. **B.** Hệ tuần hoàn hở.

**C.** Hệ tuần hoàn đơn. **D.** Hệ tuần hoàn kép.

**Câu 34.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về hệ tuần hoàn hở?

(1) Tim bơm máu vào động mạch với áp lực mạnh, máu chảy liên tục từ động mạch qua mao mạch, tĩnh mạch và về tim.

(2) Máu trao đổi chất trực tiếp với tế bào cơ thể sau đó trở về tim theo các ống góp.

(3) Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu nhanh.

(4) Hệ tuần hoàn hở có thể là hệ tuần hoàn đơn hoặc hệ tuần hoàn kép.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 35.** “Máu trao đổi chất với tế bào thông qua dịch mô”. Đây không phải là đặc điểm của:

**A.** Hệ tuần hoàn kín.**B.** Hệ tuần hoàn hở **C.** Hệ tuần hoàn đơn. **D.** Hệ tuần hoàn kép.

**Câu 36.** Trong hệ tuần hoàn kín, máu chảy trong động mạch dưới ………(1)………, tim thu hồi máu ………(2)………

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.

**B.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.

**C.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.

**D.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.

**Câu 37.** Trong các nhận định sau đây, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Trong hệ tuần hoàn kín, tim bơm máu vào động mạch với áp lực mạnh, máu chảy liên tục từ động mạch qua mao mạch, tĩnh mạch và về tim.

(2) Trong hệ tuần hoàn đơn, máu trao đổi chất trực tiếp với tế bào cơ thể sau đó trở về tim theo các ống góp.

(3) Trong hệ tuần hoàn kép, máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu nhanh.

(4) Hệ tuần hoàn kín có thể là hệ tuần hoàn đơn hoặc hệ tuần hoàn kép.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4.

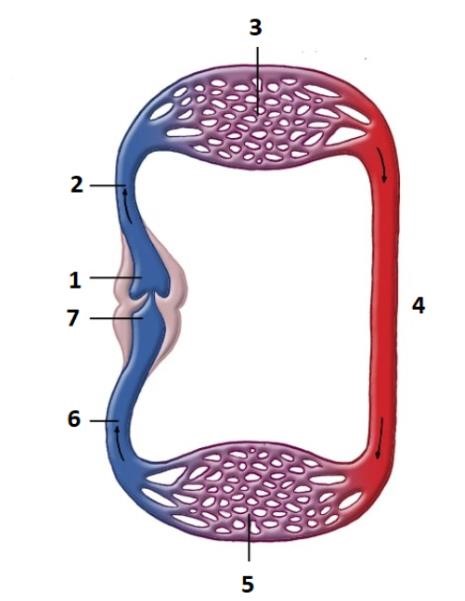
**Câu 38.** Hệ tuần hoàn kép có ở các ngành sau đây, ngoại trừ:

**A.** Lưỡng cư. **B.** Bò sát.  **C.** Giun đốt. **D.** Chim.

**Câu 39.** Hệ tuần hoàn đơn có ở:

**A.**Cá xương. **B.** Chân khớp. **C.** Lưỡng cư. **D.** Chim.

**Câu 40.** Quan sát đường đi của máu trong hệ tuần hoàn dưới đây và điền chú thích cho các số tương ứng trên hình.



**A.** (1) tâm thất, (2) động mạch mang, (3) mao mạch mang, (4) động mạch lưng,

(5) mao mạch, (6) tĩnh mạch, (7) tâm nhĩ.

**B.** (1) tâm nhĩ, (2) động mạch mang, (3) mao mạch mang, (4) động mạch lưng,

(5) mao mạch, (6) tĩnh mạch, (7) tâm thất.

**C.** (1) tâm thất, (2) động mạch lưng, (3) mao mạch, (4) động mạch mang, (5) mao mạch mang, (6) tĩnh mạch, (7) tâm nhĩ.

**D.** (1) tâm nhĩ, (2) động mạch lưng, (3) mao mạch, (4) động mạch mang, (5) mao mạch mang, (6) tĩnh mạch, (7) tâm thất.

**Câu 41.** Tim người có 4 buồng (ngăn), hai buồng ………(1)……… gọi là tâm nhĩ, hai buồng ………(2)……… gọi là tâm thất.

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** (1) nhỏ có chức năng chức năng bơm máu ra khỏi tim, (2) lớn có chức năng thu nhận máu từ tĩnh mạch vào tim

**B.** (1) nhỏ có chức năng thu nhận máu từ tĩnh mạch vào tim, (2) lớn có chức

năng bơm máu ra khỏi tim

**C.** (1) lớn có chức năng chức năng bơm máu ra khỏi tim, (2) nhỏ có chức năng thu nhận máu từ tĩnh mạch vào tim

**D.** (1) lớn có chức năng thu nhận máu từ tĩnh mạch vào tim, (2) nhỏ có chức năng bơm máu ra khỏi tim **Câu 42.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng? (1) Khi van ba lá và hai lá mở, máu chảy từ hai tâm nhĩ vào hai tâm thất.

(2) Khi van động mạch phổi mở, máu từ tâm thất phải vào động mạch phổi.

(3) Khi van động mạch chủ mở, máu từ tâm thất trái vào động mạch chủ.

(4) Van tim cho máu đi theo một chiều.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 43.** Tim bị cắt rời khỏi cơ thể vẫn có thể co dãn nhịp nhàng thêm một thời gian nếu được cung cấp đủ:

**A.** chất dinh dưỡng, O2 và nhiệt độ thích hợp.

**B.** chất dinh dưỡng, O2 và kích thích xung điện.

**C.** O2, nhiệt độ thích hợp và kích thích xung điện.

**D.** chất dinh dưỡng và nhiệt độ thích hợp.

**Câu 44.** Bộ phận phát xung điện trong hệ dẫn truyền tim là:

**A.** mạng Purkinje. **B.** bó His.  **C.** nút xoang nhĩ. **D.** nút nhĩ thất.

**Câu 45.** Trong các nhận định dưới đây, có bao nhiêu nhận định sai về hệ dẫn truyền tim?

(1) Hệ dẫn truyền tim gồm: nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.

(2) Nút nhĩ thất tự động phát xung điện, cứ sau một khoảng thời gian nhất định, nút nhĩ thất lại phát xung điện.

(3) Nút nhĩ thất phát xung điện lan ra khắp cơ tâm thất làm 2 tâm thất co.

(4) Sau khi tâm thất co, xung điện lan đến nút xoang nhĩ, bó His rồi theo mạng lưới Purkinje lan ra khắp cơ tâm nhĩ làm 2 tâm nhĩ co.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 46.** Sắp xếp các ý sau theo trình tự của một chu kì tim.

(1) Tâm thất (phải và trái) co, đẩy máu từ tâm thất vào động mạch phổi và động mạch chủ.

(2) Tâm nhĩ dãn có tác dụng thu nhận máu từ tĩnh mạch chủ và tĩnh mạch phổi.

(3) Tâm thất dãn hút máu từ tâm nhĩ xuống tâm thất.

(4) Tâm nhĩ (phải và trái) co, đẩy máu từ tâm nhĩ, xuống tâm thất.

**A.** (1), (3), (4), (2). **B.** (4), (2), (1), (3).

**C.**(1), (3), (2), (4). **D.** (4), (2), (3), (1). **Câu 47.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Tim co và dãn nhịp nhàng theo chu kì. Pha co của tim gọi là tâm trương, pha dãn của tim gọi là tâm trương.

(2) Ở người trưởng thành, mỗi chu kì tim kéo dài 0,8s, trong đó tâm nhĩ co 0,1s, tâm thất co 0,3s, thời gian dãn chung là 0,4s.

(3) Khả năng tự co dãn của tim gọi là chu kì tim.

(4) Nút nhĩ thất tự động phát xung điện, cứ sau một khoảng thời gian nhất định, nút nhĩ thất lại phát xung điện.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4

**Câu 48.** Các động mạch và tĩnh mạch từ lớn đến nhỏ đều được cấu tạo từ: **A.** lớp tế bào biểu bì mô dẹt, lớp tế bào cơ, lớp mô liên kết.

**B.** 1 lớp tế bào mô liên kết.

**C.** 1 lớp tế bào biểu bì mô dẹt.

**D.** lớp tế bào biểu bì mô dẹt, lớp cơ và sợi đàn hồi, lớp mô liên kết.

**Câu 49.** Mao mạch được cấu tạo từ một

**A.** lớp tế bào mô liên kết. **B.** lớp tế bào biểu bì mô dẹt.

**C.** lớp cơ và sợi đàn hồi. **D.** lớp tế bào mô liên kết và sợi đàn hồi.

**Câu 50.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định sai?

(1) Tim co bóp đẩy máu vào tĩnh mạch tạo ra huyết áp.

(2) Do hoạt động co dãn của tim theo chu kỳ nên máu được bơm vào động mạch theo từng đợt và tạo ra huyết áp tâm thu và huyết áp tâm trương.

(3) Huyết áp tâm trương (còn gọi là huyết áp tối đa) ứng với tâm thất co.

(4) Huyết áp tâm thu (còn gọi là huyết áp tối thiểu) ứng với tâm thất dãn.

**A.** 1. **B.** 2.  **C.** 3. **D.** 4

**Câu 51.** Biến động vận tốc máu trong hệ mạch liên quan đến:

**A.** lực bơm máu của tim. **B.** tổng chiều dài mạch máu.

**C.** tổng số lượng máu. **D.** tổng tiết diện mạch máu.

**Câu 52.** Khi huyết áp tăng thì vận tốc máu:

**A.** tăng. **B.** giảm.  **C.** không xác định được. **D.** tăng rồi giảm **Câu 53.** Hoạt động tim mạch được điều hòa bằng:

**A.** hệ dẫn truyền tim. **B.** cơ chế thần kinh và thể dịch.

**C.** chu kì tim. **D.** trung khu điều hòa tim mạch.

**Câu 54.** Cơ chế thần kinh theo nguyên tắc ………(1)………, cơ chế thể dịch thực hiện nhờ ………(2)………

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** (1) dẫn truyền, (2) trung khu điều hòa tim mạch. **B.** (1) dẫn truyền, (2) các hormone.

**C.** (1) phản xạ, (2) trung khu điều hòa tim mạch. **D.** (1) phản xạ, (2) các hormone.

**Câu 55.** Sắp xếp các ý sau theo trình tự điều hòa hoạt động tim mạch khi huyết áp giảm.

(1) Xung thần kinh theo dây giao cảm đến tuyến trên thận, làm tuyến này tăng tiết adrenalin và noradrenalin vào máu.

(2) Adrenalin và noradrenalin làm tim đập nhanh, mạnh và các mạch máu co lại làm cho huyết áp tăng trở lại.

(3) Trung khu điều hòa tim mạch tăng tần số xung thần kinh trên dây giao cảm, làm tim đập nhanh, mạnh và các mạch máu nhỏ co lại.

(4) Thụ thể áp lực ở xoang động mạch cảnh và gốc cung động mạch chủ gửi xung thần kinh về trung khu điều hòa tim mạch ở hành não.

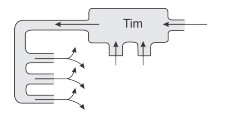
**A.**(1), (3), (4), (2). **B.** (4), (1), (3), (2). **C.** (3), (4), (1), (2). **D.** (4), (3), (1), (2). **Câu 56.** Khi huyết áp tăng cao:

**A.** trung khu điều hòa tim mạch tăng tần số xung thần kinh trên dây đối giao cảm, làm tim giảm nhịp và các mạch máu ngoại vi dãn, nhờ đó huyết áp trở lại bình thường.

**B.** trung khu điều hòa tim mạch tăng tần số xung thần kinh trên dây giao cảm, làm tim giảm nhịp và các mạch máu ngoại vi dãn, nhờ đó huyết áp trở lại bình thường.

**C.** trung khu điều hòa tim mạch tăng tần số xung thần kinh trên dây đối giao cảm, làm tim tăng nhịp và các mạch máu ngoại vi dãn, nhờ đó huyết áp trở lại bình thường.

**D.** trung khu điều hòa tim mạch tăng tần số xung thần kinh trên dây giao cảm, làm tim tăng nhịp và các mạch máu ngoại vi dãn, nhờ đó huyết áp trở lại bình thường. **Câu 57.** Hình bên mô tả hệ tuần hoàn gì?



**A.**Hệ tuần hoàn hở. **B.**Hệ tuần hoàn kín.

**C.**Hệ tuần hoàn đơn. **D.**Hệ tuần hoàn kép.

**Câu 58.** Hệ tuần hoàn bạch huyết có chức năng:

**A.** tiếp nhận dịch mô hấp thụ từ ruột non và thu hồi lipid đưa về hệ tuần hoàn máu. **B.** tiếp nhận lipid hấp thụ từ ruột non và thu hồi dịch mô đưa về hệ tuần hoàn máu.

**C.** tiếp nhận lipid và dịch mô hấp thụ từ hệ tuần hoàn máu và đưa về ruột non.

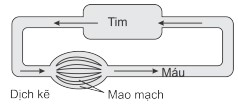
**D.** thu hồi lipid và dịch mô hấp thụ từ ruột non và đưa về hệ tuần hoàn máu.

**Câu 59.** Đâu không phải là lợi ích của việc luyện tập thể dục, thể thao đối với tim?

**A.** Cơ tim phát triển. **B.** Thành tim dày hơn.

**C.** Tăng thể tích tâm thu. **D.** Tăng khả năng đàn hồi cho mạch máu.

**Câu 60.** Hình bên mô tả hệ tuần hoàn gì?



**A.**Hệ tuần hoàn kín. **B.**Hệ tuần hoàn hở.

**C.**Hệ tuần hoàn đơn. **D.**Hệ tuần hoàn kép.

**Câu 61.** Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín là: **A.** tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.

**B.** tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.

**C.** tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.

**D.** tim → động mạch → mao mạch → động mạch → tim.

**Câu 62.** Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn hở là:

**A.** tim → động mạch → khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào → hỗn hợp máu - dịch mô → tĩnh mạch → tim.

**B.** tim → động mạch → trao đổi chất với tế bào → khoang cơ thể → hỗn hợp máu - dịch mô → tĩnh mạch → tim.

**C.** tim → động mạch → hỗn hợp máu - dịch mô → khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch → tim.

**D.** tim → động mạch → khoang cơ thể → hỗn hợp máu - dịch mô → trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch → tim.

**Câu 63.** Trong hệ tuần hoàn kín, máu trao đổi với tế bào qua thành:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** tĩnh mạch và mao mạch. **B.** mao mạch. **C.** tĩnh mạch.  **Câu 64.** Hệ tuần hoàn hở có ở các loài động vật nào sau đây?  (1) Tôm (2) Cá(3) Ốc sên(4) Ếch (5) Bạch tuộc (6) Giun đốt | **D.** động mạch và tĩnh mạch. |
| **A.** (1), (3), (5). **B.** (1), (2), (3). **C.** (2), (5), (6). | **D.** (3), (5), (6). |

**Câu 65.** Nồng độ CO2 khi thở ra cao hơn so với khi hít vào vì một lượng CO2

**A.** khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi ra khỏi phổi.

**B.** được đồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.

**C.** còn lưu giữa trong phế nang.

**D.** thải ra trong hô hấp tế bào của phổi.

**Câu 66.** Điều không phải là ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở là: **A.** tốc độ máu chảy nhanh hơn, máu đi được xa hơn.

**B.** tim hoạt động ít tốn năng lượng hơn.

**C.** máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được nhu cầu về trao đổi khí và trao đổi chất.

**D.** máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoạt trung bình. **Câu 67.** Đường đi của vòng tuần hoàn nhỏ diễn ra theo trật tự:

**A.** tim → động mạch giàu O2 → mao mạch → tĩnh mạch giàu CO2 → tim.

**B.** tim → động mạch ít O2 → mao mạch → tĩnh mạch ít CO2 → tim.

**C.** tim → động mạch giàu CO2 → mao mạch → tĩnh mạch giàu O2 → tim.

**D.** tim → động mạch giàu O2 → mao mạch → tĩnh mạch ít CO2 → tim. **Câu 68.** Ở cá, đường đi của máu diễn ra theo trật tự:

**A.** tâm nhĩ → động mạch mang → mao mạch mang → động mạch lưng → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm thất.

**B.** tâm thất → động mạch mang → mao mạch mang → động mạch lưng → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm nhĩ.

**C.** tâm thất → động mạch lưng → động mạch mang → mao mạch mang → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm nhĩ.

**D.** tâm thất → động mạch mang → mao mạch các cơ quan → động mạch lưng → mao mạch mang → tĩnh mạch → tâm nhĩ.

**Câu 69.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở?

(1) Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hơn.

(2) Tốc độ máu chảy nhanh hơn, máu đi được xa.

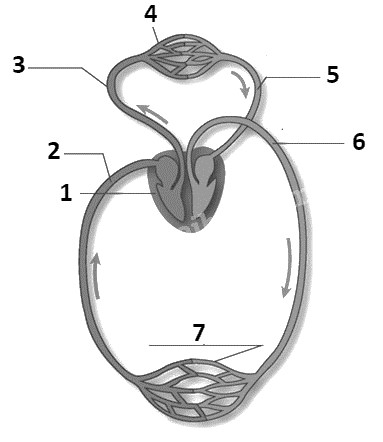
(3) Máu tiếp xúc và trao đổi trực tiếp với tế bào.

(4) Điều hòa phân phối máu đến các cơ quan nhanh.

(5) Đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất cao.

**A.** 2. **B.** 3.  **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 70.** Quan sát hình dưới đây và điền chú thích cho các số tương ứng trên hình.

**A.** (1) tim, (2) tĩnh mạch phổi, (3) động mạch chủ, (4) mao mạch các cơ quan, (5) tĩnh mạch chủ, (6) động mạch phổi, (7) mao mạch phổi.

**B.** (1) tim, (2) tĩnh mạch chủ, (3) động mạch chủ, (4) mao mạch phổi, (5) tĩnh mạch phổi, (6) động mạch phổi, (7) mao mạch ở các cơ quan.

**C.** (1) tim, (2) tĩnh mạch phổi, (3) động mạch phổi, (4) mao mạch phổi,

(5) tĩnh mạch chủ, (6) động mạch chủ, (7) mao mạch ở các cơ quan.

**D.** (1) tim, (2) tĩnh mạch chủ, (3) động mạch phổi, (4) mao mạch phổi, (5) tĩnh mạch phổi, (6) động mạch chủ, (7) mao mạch ở các cơ quan.

**Câu 71.** Ở sâu bọ, hệ tuần hoàn thực hiện chức năng:

**A.** vận chuyển chất dinh dưỡng.

**B.** vận chuyển chất dinh dưỡng và các sản phẩm bài tiết.

**C.** vận chuyển các sản phẩm bài tiết.

**D.** tham gia quá trình chuyển khí trong hô hấp.

**Câu 72.** Ở hô hấp trong, sự vận chuyển O2 và CO2 diễn ra như thế nào?

**A.** Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện chị nhờ dịch mô.

**B.** Sự vận chuyển CO2 từ cơ quan hô hấp nên tế bào và O2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện nhờ máu và dịch mô.

**C.** Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp (mang hoặc phổi) được thực hiện nhờ máu và dịch mô.

**D.** Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp việc thực hiện chỉ nhờ máu.

**Câu 73.** Hệ tuần hoàn ở đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn hở vì:

**A.** tốc độ máu chảy chậm.

**B.** giữa mạch đi từ tim và mạch đến các tim không có mạch nối.

**C.** máu chảy trong động mạch dưới áp lực lớn.

**D.** còn tạo hỗn hợp máu - dịch mô.

**Câu 74.** Huyết áp thay đổi do những yếu tố nào dưới đây?

(1) Lực co tim.

(2) Nhịp tim.

(3) Độ quánh của máu.

(4) Khối lượng máu.

(5) Số lượng hồng cầu.

(6) Sự đàn hồi của mạch máu.

**A.** (1), (2), (3), (4), (6). **B.** (2), (3), (4), (5), (6).

**C.** (1), (2), (3), (4), (5). **D.** (1), (2), (3), (5), (6).

**Câu 75.** Ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não vì:

**A.** mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**B.** mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**C.** mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**D.** thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch. **Câu 76.** Bệnh nhân bị hở van tim nhĩ thất (nối giữa tâm nhĩ với tâm thất) sẽ dễ bị suy tim. Nguyên nhân chính là do:

**A.** khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ, làm cho lượng máu chảy vào động mạch vành giảm nên lượng máu nuôi tim giảm.

**B.** khi bị hở van tim thì sẽ dẫn tới làm tăng nhịp tim rút ngắn thời gian nghỉ của tim.

**C.** khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ làm cho lượng máu cung cấp trực tiếp cho thành tâm thất giảm, nên tâm thất bị thiếu dinh dưỡng và oxy.

**D.** khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ ngăn cản tâm nhĩ nhận máu từ tĩnh mạch về phổi làm cho tim thiếu oxy để hoạt động.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com